

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **427/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/9/2023

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Minh Thu;**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Phí Văn Chân**

Bà Nguyễn Thị A Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm: Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 265/2023/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2023/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **A Nguyễn Học Đ**, sinh năm 1966;

Nơi ĐKKHKT: Số 16, ngách 11, ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: Phòng 504A, Nhà khách Victoria Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị Phan Thị D**, sinh năm 1966;

Nơi ĐKKHKT: Số 16, ngách 11, ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Hiện trú tại: Căn hộ số 102, nhà N5, Khu chung cư 212, TDP Tân Xuân 2, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa, A Đ và chị D có mặt.

NỘI D VU ÁN

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn - A Nguyễn Học Đ trình bày:

Về tình cảm: A và chị Phan Thị D kết hôn ngày 26/9/1997 có Đ ký kết hôn tại UBND phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trên

cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau và có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn vợ chồng A chỉ sống tại số nhà 16, ngách 11, ngõ Thông Phong, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đến năm 2007 thì chuyển về chung sống tại phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do A chị bất đồng quan điểm sống, lối sống, vợ coi thường chồng, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi, xúc phạm A nhất là khi A ốm đau, nằm viện, chị D có những hành động rất quá đáng gây ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý của A. Vợ chồng không chia sẻ, thấu hiểu được với nhau trong công việc và cuộc sống. A chị đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. A đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị D lần thứ nhất vào tháng 5/2021, sau đó A đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Lần thứ 2, A nộp đơn khởi kiện ly hôn với chị D vào tháng 09/2022 nhưng sau đó A lại rút đơn về do A bị bệnh tai biến nhồi máu não. A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho A được ly hôn với chị Phan Thị D.

- Về con chung: Vợ chồng A sinh được 02 con chung là cháu Nguyễn Phan Hoàng A, sinh ngày 21/10/1997 và cháu Nguyễn Phan Đ A, sinh ngày 14/12/2008. Cháu Nguyễn Phan Hoàng A đã trưởng thành việc cháu ở với ai do cháu quyết định, cháu Nguyễn Phan Đ A hiện đang ở với chị D. Ly hôn, A để chị D nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Đ A, A không cấp dưỡng nuôi con chung do điều kiện kinh tế không có, A bị bệnh tai biến nhồi máu não đang điều trị tại Trung tâm phục hồi chức năng.

Về tài sản chung và công nợ chung, nhà đất chung: Vợ chồng A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và lời khai tiếp theo tại Tòa án, bị đơn - chị Phan Thị D trình bày: Chị đồng ý với ý kiến trình bày về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như A Đ đã trình bày. Chị nhận thấy, thực tế vợ chồng chị vẫn đang rất yêu nhau, không có bất cứ mâu thuẫn to tát gì, 24 năm chung sống hạnh phúc đầm ấm bên các con. Tuy nhiên, gia đình nào cũng vậy, có những lúc do bùng bột và cảm nắng nhất thời chồng chị đã có lúc sao nhãng việc gia đình. Cuối năm 1996, đầu năm 1997 A Đ đã từng dọa tự tử, viết thư tuyệt mệnh với lý do là A Đ rất yêu chị. Gia đình vẫn chụp ảnh kỷ niệm những ngày cưới, sinh nhật, ngày lễ. Những năm tuổi trẻ và hiện tại do sự bùng bột thiếu suy nghĩ chị luôn tha thứ cho chồng tất cả và sống hạnh phúc bên chồng và các con nhưng A Đ lại cho rằng chị làm mất mặt A Đ với hàng xóm nên A Đ bỏ nhà đi và nộp đơn khởi kiện ly hôn lên Tòa án khiến chị rất bất ngờ và những thành phần xấu bên ngoài dụ dỗ, lôi kéo và lợi dụng tiền bạc. Hiện A Đ đang ốm đau, tinh thần sức khỏe không minh mẫn vì thực tế ngày 28 Tết năm Nhâm dân (năm 2021) A Đ đột ngột rời đi với lý do tiếp xúc F0, do tình hình dịch bệnh Covid phức tạp, sợ lây sang vợ và các con nên muốn ở cách ly nên A nói về quê và đi ra ngoài ở riêng.

A Đ cần có người chăm sóc nên chị không đồng ý ly hôn, mong Tòa án hòa giải để vợ chồng chị đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung, là cháu Nguyễn Phan Hoàng A, sinh ngày 21/10/1997, cháu Nguyễn Phan Đ A, sinh ngày 14/12/2008. Cháu Hoàng A đã trưởng thành, đi làm, khỏe mạnh. Chị không đồng ý ly hôn nên không đề nghị giải quyết vấn đề con chung, hai vợ chồng vẫn sẽ cùng nhau nuôi dưỡng con chung kể cả vật chất lẫn tinh thần, cùng nhau giáo dục và dạy dỗ con nên người trở thành người công dân tốt. Hiện tại, con gái đã trưởng thành đề nghị A Đ về nhà để vợ con chăm sóc lúc tuổi già. Bởi do thiếu sự chăm sóc của gia đình và những sinh hoạt thiếu lành mạnh dẫn đến đột quỵ, sức khỏe suy giảm không minh mẫn, không nhớ được những vấn đề trong cuộc sống

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương nơi chị D và A Đ sinh sống cung cấp: A Nguyễn Học Đ và chị Phan Thị D Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ngày 26/9/1997. Năm 2007, A Đ và chị D về sinh sống tại Phòng 102, Nhà N5, Cầu thang 1, Khu 212, Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Mâu thuẫn của A chị xuất phát khi chị D nghỉ hưu, vợ chồng hay xảy ra xích mích, to tiếng xuất phát trong mối quan hệ vợ chồng, cách hành xử với nhau, cách đối nhân xử thế và sau đó đến cuối năm 2021 A Đ chuyển đi nơi khác sinh sống từ đó cho đến nay. A Đ xin ly hôn chị D đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. A Đ và chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan Hoàng A, sinh ngày 21/10/1997, cháu Nguyễn Phan Đ A, sinh ngày 14/12/2008. Cháu Hoàng A đã trưởng thành, đi làm, khỏe mạnh. Trường hợp A chị giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho cháu Đ A. Về tài sản chung, nợ chung của A Đ và chị D, địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa hôm nay:

A Nguyễn Học Đ giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và tha thiết xin Tòa án cho A được ly hôn với chị Phan Thị D. Nếu Tòa không cho A ly hôn, A cũng không trở về đoàn tụ với chị D vì A xác định vợ chồng không còn tình cảm, A không thể chung sống với chị D được nữa. Về con chung: Cháu Hoàng A đã trưởng thành, khỏe mạnh, cháu ở với bố hay mẹ do cháu tự quyết định. Cháu Đ A còn đang học và vẫn ở với mẹ nên A đồng ý để cháu tiếp tục ở với chị D. Do A bị tai biến, mất khả năng lao động, không có thu nhập nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị D không đồng ý ly hôn vì chị vẫn còn tình cảm với chồng. Hiện A Đ đang bị bệnh, chị kêu gọi A Đ trở về gia đình, với vợ con để vợ con chăm sóc A. Trường hợp phải ly hôn, chị đồng ý là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ A. A Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 7.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu trưởng thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ

án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật quy định tại các Điều 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của A Đ; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Đ A, sinh ngày 14/12/2008 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu A Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: A chị không đề nghị giải quyết nên không xem xét. A Đ có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: A Nguyễn Học Đ và chị Phan Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có Đ ký tại Ủy ban nhân dân phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ngày 26/9/1997. Đây là hôn nhân hợp pháp. Hiện chị Phan Thị D đang sinh sống tại phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên yêu cầu của A Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D:

- *Về quan hệ hôn nhân:* A Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, từ những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình chị D cũng coi thường, chống đối A, quản lý, giám sát chồng khiến A cảm thấy không được tôn trọng, cuộc sống chung rất căng thẳng, mệt mỏi, A bị ốm nằm viện chị cũng không quan tâm, chăm sóc A tử tế, đàng hoàng. A đã mời Văn phòng thừa phát lại Tây Đô đến tận Bệnh viện lập Vi bằng: Không cho phép chị D vào gặp mặt, chăm sóc, cung cấp đồ ăn thức uống cũng như lợi ích vật chất khác. Vợ chồng A chị đã sống ly thân hơn 02 năm nay, không có biện pháp gì khác để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu ly hôn của A Đ là chính đáng. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung:* A Đ, chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan Hoàng A, sinh ngày 21/10/1997 và cháu Nguyễn Phan Đ A, sinh ngày 14/12/2008. Cháu Nguyễn Phan Hoàng A đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Nguyễn Phan Đ A đang ở cùng chị D. A Đ có nguyện vọng để chị D nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phan Đ A, A không cấp dưỡng nuôi con chung do điều kiện sức khỏe và kinh tế của A không đảm bảo. Chị D không đồng ý ly hôn nhưng nếu phải ly hôn chị đồng ý là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ A. Yêu cầu A Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Đ A trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con chung cho ai nuôi phải đảm bảo được quyền lợi chính đáng của con.

Xuất phát từ quyền lợi của cháu Nguyễn Phan Đ A cũng như điều kiện nơi ăn ở của A chị, thấy rằng: Cháu Nguyễn Phan Đ A hiện vẫn còn nhỏ, đang sống ổn định cùng chị D từ nhỏ cho đến nay nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. A Đ đã trải qua một đợt điều trị bệnh tai biến và hiện tại vẫn đang trong giai đoạn điều trị để phục hồi sức khỏe, sức khỏe và kinh tế đều khó khăn. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, căn cứ vào điều kiện nuôi dưỡng cụ thể, nên giao cháu Nguyễn Phan Đ A cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với A Đ.

- *Về tài sản chung, công nợ chung và nhà đất chung:* A Đ, chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra Tòa án không giải quyết gì khác.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:* A Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Chị D và A Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điều 39, 146, 147, 227, 228, 262, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị định 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A Nguyễn Học Đ. Tuyên bố A Nguyễn Học Đ được ly hôn với chị Phan Thị D.

2. Về con chung: Chị D và A Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Phan Hoàng A, sinh ngày 21/10/1997 và cháu Nguyễn Phan Đ A, sinh ngày 14/12/2008. Cháu Nguyễn Phan Hoàng A đã trưởng thành, việc cháu ở với ai do cháu tự quyết định. Giao cháu Nguyễn Phan Đ A cho mẹ là chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với A Đ.

A Đ được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ chung và nhà đất chung: Chị D và A Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: A Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí A đã nộp theo biên lai số AA/2020/0043930 ngày 15/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ghi nhận A Đ đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, A Đ, chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS quận Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục THA dân sự quận Bắc Từ Liêm;
- UBND phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Thu